

VỀ MỘT SỐ CÔNG TRÌNH VĂN HỌC SỬ NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

Dương Thu Thủy*

Có tác phẩm văn học ra đời tất có sự tìm hiểu, cho nên, có thể nói rằng, nghiên cứu văn học đã xuất hiện từ thời xa xưa. Tuy nhiên, hoạt động nghiên cứu văn học với tư cách là một khoa học thì chỉ bắt đầu từ nửa đầu thế kỷ XIX (ở Châu Âu), ở Việt Nam mãi đầu thế kỷ XX mới có các công trình văn học sử ra đời. Như vậy nghiên cứu văn học với tư cách là một hoạt động chuyên môn ở nước ta chỉ mới hình thành vào đầu thế kỷ XX. Trong những thập niên đầu, nghiên cứu văn học còn chịu nhiều ảnh hưởng của thi pháp trung đại, phải đến những năm 1930 trở đi, cùng với hoạt động sáng tác, hoạt động nghiên cứu văn học theo nghĩa hiện đại mới thực sự khẳng định sự có mặt của mình trong đời sống văn học nước nhà bằng sự xuất hiện hàng loạt các công trình nghiên cứu từ văn học dân gian đến văn học hiện đại. Nghiên cứu từng tác giả, tác phẩm đến việc tổng kết cả một giai đoạn văn học, nghiên cứu văn học trong nước lẫn nghiên cứu văn học nước ngoài của những nhà nghiên cứu văn học đương thời; trong đó nghiên cứu văn học sử, là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ hoạt động nghiên cứu văn học nói chung và văn học Việt Nam nói riêng.

Bàn về tình hình nghiên cứu văn học sử đương thời, Dương Quảng Hàm trong phần “Biên tập đại ý” bộ *Việt Nam văn học sử yếu* bộc bạch rằng: “Việc khảo cứu về văn học lịch sử nước Nam: Ai cũng biết rằng hiện nay không có quyển sách nào chép về văn học lịch sử nước ta, không nói gì những sách tham khảo tinh tường cho các học giả dùng, ngay đến những sách tóm tắt các điều đại cương cho học sinh cũng không có” [2,XXI]. Trước đó năm 1938, Đào Duy Anh viết *Việt Nam văn hoá sử cương*, đúng như tựa đề quyển sách thì đây là một tác phẩm chuyên nghiên cứu về văn hoá của nước nhà. Tác giả có dành một mục khoảng mười trang giới thiệu sơ qua về văn học Việt Nam từ đời thượng cổ đến văn học hiện đại. Và ở mỗi thời kỳ, Đào Duy Anh đều đề cập đến những tác phẩm, tác giả tiêu biểu, những ảnh hưởng của văn học nước ngoài, sự xuất hiện của các thể loại mới, nhưng do số lượng trang viết ít, nên ông chưa kịp đề xuất các quan điểm rõ ràng. Thực tiễn vừa nêu nói lên sự xuất hiện muộn màng của hoạt động nghiên cứu văn học

* ThS. – Trường CĐ Cộng đồng Cà Mau

sử. Tuy nhiên, sau những năm 40 của thế kỷ XX, hàng loạt các công trình nghiên cứu văn học sử ra đời đã thực sự khẳng định sự có mặt và có đóng góp không nhỏ trong hoạt động nghiên cứu văn học Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX.

Ngô Tất Tố là một trong những nhà nghiên cứu văn học sử đã giúp độc giả đương thời có được tài liệu khá phong phú để thưởng thức văn học cổ Việt Nam từ thời đại Lý, Trần đến cuối thế kỷ XIX qua các tác phẩm: *Việt Nam văn học* (1942) (gồm hai tập *Văn học đời Lý*, *Văn học đời Trần*) và *Thi văn Bình chú* (1942).

Hai cuốn *Văn học đời Lý*, *Văn học đời Trần* là công trình nghiên cứu, giới thiệu về các tác giả và tác phẩm tiêu biểu của văn học đời Lý (hai mươi ba tác giả với ba mươi tác phẩm) và văn học đời Trần (bảy tác giả với bốn mươi sáu tác phẩm và bốn tác phẩm vô danh). Trong *Văn học đời Lý*, Ngô Tất Tố chưa đề xuất một tiêu chí cụ thể nào để phân loại tác giả hay tác phẩm. Ở mỗi nhà văn được nói đến, Ngô Tất Tố chỉ giới thiệu một vài nét về tiểu sử rồi trích dịch tác phẩm, chứ không bàn luận gì. Ông chỉ viết một bài bàn chung ở phần đầu và kết luận ở phần cuối tác phẩm với ghi nhận một ít sự kiện liên quan về lịch sử và tư tưởng. Đến *Văn học đời Trần*, Ngô Tất Tố có tiến bộ hơn khi ở mỗi nhà văn được giới thiệu, ông có đưa ra nhận xét dù ngắn gọn. Trong “Lời bàn chung” ở đầu sách, ông đã viết một bảng tổng hợp về văn học đời Trần với nhận định: văn học đời Trần trội hơn văn học đời Lý. Ngô Tất Tố cũng đã chia các tác phẩm đời Trần ra làm sáu loại: chính trị, lý thuyết, sử truyện, thơ văn, giáo dục, võ bị.

Thi văn bình chú xuất bản năm 1942 bao gồm hai tập, mục đích chính của sách là giải thích và đính chính. Quyển I, Ngô Tất Tố giới thiệu 12 nhà thơ gồm: Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Ngô Chi Lan, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Quý Đôn, Nguyễn Gia Thiều, Vũ Huy Lượng, Phan Huy Ích, Ngọc Hân công chúa, Dương Xuân Hầu, Tạ Đình Hầu, Phạm Đan Phụng, và một vài bài thơ vô danh. Quyển II, tác giả giới thiệu 14 nhà thơ: Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Bà Huyện Thanh Quan, Lý Văn Phức, Cao Bá Quát, Phan Thanh Giản, Cao Bá Nhạ, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Dương Khuê, Dương Lâm, Chu Mạnh Trinh, Vũ Phạm Hàm, Trần Tế Xương.

Về phương pháp nghiên cứu, theo như trình bày của tác giả trong “Lời của biên giả” gồm các bước: giới thiệu tiểu sử, tham khảo so sánh, chú thích, giải thích, phê bình. Đáng chú ý nhất là ở phương diện chú thích, tác giả đã thể hiện

sự nghiên cứu rất kỹ, dịch rất xác nghĩa nhưng cũng rất tài hoa nhất là những bài dịch văn xuôi ra văn vần.

Nhìn chung, *Việt Nam văn học* và *Thi văn bình chú* - hai công trình nghiên cứu văn học từ thời Lý, Trần đến cuối thế kỷ XIX của tác giả Ngô Tất Tố, xét về cách viết chưa có gì đặc sắc, tác giả làm văn học theo lối tuyên văn và dịch văn. Về giới thiệu nhà văn và bình chú cũng giản lược, quan điểm phân kì cũng là việc chia văn học theo triều đại: văn học đời Lý, văn học đời Trần. Nhưng có lẽ đóng góp quan trọng của Ngô Tất Tố ở hai công trình này là đã đi vào sưu tầm, tìm hiểu và giới thiệu cho độc giả đương thời những tác phẩm và tác giả nổi bật của những giai đoạn văn học tiêu biểu trong văn học trung đại giúp cho người đọc có được tài liệu để thưởng thức văn học, một việc làm mà cho tới thời điểm đó là còn rất ít, đủ để cho chúng ta ghi nhận đóng góp to lớn của nhà nghiên cứu Ngô Tất Tố trong buổi đầu nghiên cứu văn học sử nước nhà.

Cùng thời gian này, *Việt Nam cổ văn học sử* (1942) của Nguyễn Đông Chi cũng xuất hiện. Theo lời tác giả tuyên bố trong “Lệ sách” thì bộ sách *Việt Nam cổ văn học sử* gồm có 3 quyển, chỉ giới hạn từ thượng cổ đến cuối nhà Hồ: Quyển một biên sử văn học cho từng thời đại; Quyển hai biên tiểu sử, đặt sử và văn chương của các văn, thi sĩ, danh sĩ, những người có công với văn học thời đó; Quyển ba có bốn mục: một mục chép các sách vở trước tác ở đời ấy, một mục những thơ văn vô danh, một mục những thơ văn hoài nghi, một mục chú thích những điển tích khó cùng địa danh xưa [1, tr.10]. Tuy nhiên, cho đến hết năm 1945, chúng ta mới được tiếp xúc với quyển một của *Việt Nam cổ văn học sử*. Ngoài bài tựa và lệ sách in ở đầu và bài tóm tắt, lời bạt in ở cuối sách, *Việt Nam cổ văn học sử* gồm có 11 chương lần lượt bàn về: Gốc gác người Việt Nam, Cội rễ tiếng Nam, Chữ viết thời thượng cổ, Tư tưởng học thuật nước Tàu buổi quá khứ, Triết lý tôn giáo Ấn Độ buổi quá khứ, Từ đời cổ đến Sĩ Nhiếp, Từ Sĩ Nhiếp đến Ngô Quyền (187 - 939), Đời Ngô, Đinh, Lê (939 - 1009), Đời Lý (1010 - 1225), Đời Trần (1225 - 1380), Đời Hồ (1380 - 1407). Với quan niệm, văn học Việt Nam là một dòng chảy liên tục từ quá khứ, qua hiện tại, tới tương lai, Nguyễn Đông Chi chia văn học Việt Nam từ thế kỷ XV trở về trước làm hai thời kỳ. Thời kỳ đầu từ đời phát đoạn đến đầu thế kỷ X - nghiên cứu về những vấn đề văn học tổng quát, xác định những hoàn cảnh xã hội, tư tưởng mà nền văn học Việt Nam phải va chạm trong buổi đầu dựng nước. Theo Nguyễn Đông Chi,

đây là thời kỳ đặt nền móng cho văn học Việt Nam, nên thành tựu của văn học không có gì đáng kể, ngoại trừ “thình thoảng có ít nhiều tay văn học xuất sắc với những tác phẩm của mình”. Nguyễn Đồng Chi chỉ ra ba cái mốc đánh dấu bước hình thành nền văn học thành văn gắn liền với tên tuổi ba nhân vật tiêu biểu: Lý Tiến đời Hán, Sĩ Nhiếp đời Tam Quốc, Khương Công Phụ đời Đường. Đồng thời để cho độc giả thấy “văn chương người Nam buổi Hán học khởi thủy”, nhà nghiên cứu trích một đoạn trong bài sớ của Lý Tiến gửi vua Hán, hay công bố bài phú “Mây trắng rọi biển xanh” để người đọc thưởng thức lối văn “lời lẽ tao nhã mà thoát sáo” của Khương Công Phụ đời Đường. Nguyễn Đồng Chi cũng khẳng định: nhờ có Lý Tiến, người Việt bấy giờ được ngang hàng với người Trung Châu trên trường hoạt động văn hóa xã hội, Sĩ Nhiếp thì “đã đem lại cho văn học được khá nhiều dần vốn”, Khương Công Phụ thì mở ra trào lưu du học cho người Việt. Ngoài ba tác giả kể trên, Nguyễn Đồng Chi đã liệt kê một số tác giả mặc dù không nhiều nhưng cũng khá tiêu biểu cho lực lượng sáng tác lúc bấy giờ như: Lý Cầm, Trương Trọng, Bốc Long, Pháp Hiền, Pháp Đăng, Huệ Nghiêm, Cầm Thành, Phùng Trí Đái, Khương Công Phụ... đồng thời ông cũng công bố một số tư liệu về thơ từ của danh nhân Trung Hoa như Đạo Hy, Dương Cự Nguyên, Trương Tịch... tặng đáp người Việt, hoặc lời Đường Cao Tổ khen thơ Phùng Trí Đái... để cho độc giả thấy được dù số lượng sáng tác trong thời gian này không nhiều nhưng chất lượng văn học gia người Nam thuở ấy rất đáng ghi nhận.

Thời kỳ thứ hai từ đời tự chủ cho đến đầu thế kỷ thứ XV, gồm các đời Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ. Nguyễn Đồng Chi cho rằng văn học thời kỳ này có lúc đã đạt được những thành tựu cao, nhất là văn học ở đời Trần và Hồ; nhận xét về sự phát triển của văn học thời kỳ này, ông ví von rằng: “Đời Ngô, Đinh, Lê là lúc đắp nền, đời Lý, Trần đã dựng thành một nếp nhà tuy chưa kéo đẹp lắm mà cũng tiện nghi, thích hợp. Đến đời Hồ là lúc đã dành dựng được ít nhiều cửa, mua sắm vật liệu, sắp sửa xây thêm một ngôi nhà khác đồ sộ hơn” [1, tr.283].

Đi vào tìm hiểu từng thời kỳ, Nguyễn Đồng Chi đã có những phát hiện rất đáng ghi nhận. Nói đến giai đoạn văn học thời Ngô, Đinh, Tiền Lê, nhà nghiên cứu nhấn mạnh một thể loại mà ông gọi là “sấm ký” và cho rằng đây là thể loại xuất hiện vào lúc nghề phong thủy, bói toán, sấm vĩ đang được ưa chuộng. Tác giả đánh giá cao văn học thời Trần, ông khẳng định đây là một thời đại văn chương “rực rỡ”, “có nhiều trang giá trị” nhờ “được tín ngưỡng tự do, đã không

có cái học khoa cử bó buộc lại được triều đình đãi ngộ sĩ phu rất rộng” [1, tr.157]. Ông cũng giới thiệu và đưa ra những nhận xét rất xác đáng về một số nhân vật tiếng tăm đương thời như Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Chu Văn An. Đặc biệt, Ông còn mạnh dạn đề cao những cải cách về xã hội và văn học của Hồ Quý Ly. Nói như Thanh Lãng: “Nguyễn Đổng Chi là người đầu tiên muốn lấy triều đại nhà Hồ như một chặng đường cực thịnh của nền cổ văn học Việt Nam” [3, tr.386] thì hình như chưa hợp lý lắm, nhưng rõ ràng Nguyễn Đổng Chi đã thấy được và trân trọng “cuộc cách mạng” trong văn học của Hồ Quý Ly khi đã gọi cho người Việt ý thức được tầm quan trọng của việc phải sử dụng văn tự của riêng mình.

Đồng thời với việc đề cao văn học đời Trần, Hồ, Nguyễn Đổng Chi cũng mạnh dạn xem xét một cách toàn diện cả những khuynh hướng văn học đối lập. Chẳng hạn, ông viết mục: Văn chương phái ở ngoại quốc (đời Trần), Văn chương phái phục Trần (đời Hồ) và có cái nhìn thấu tình đạt lý về các tác giả này. Do quan điểm văn, sử, triết bất phân, cho nên bên cạnh việc nghiên cứu thành tựu văn học các thời đại - sự hình thành các dòng văn, thể loại, các tác gia và tác phẩm, Nguyễn Đổng Chi còn quan tâm đến lịch sử, con người, đất nước, tiếng Việt và chữ Việt, phong tục tập quán và tín ngưỡng trong nước, sự ảnh hưởng của các nguồn văn hóa ngoại lai như: văn hóa phật giáo Ấn Độ, Văn hóa tam giáo Trung Hoa... Như vậy, *Việt Nam cổ văn học sử* của Nguyễn Đổng Chi, dù là một trong những tác phẩm nghiên cứu lịch sử văn học đầu tiên, nhưng nhà nghiên cứu đã cố gắng trong việc phác họa một bức tranh văn học khá hoàn chỉnh từ thời thượng cổ đến thời nhà Hồ không chỉ cho độc giả đương thời thưởng thức mà hôm nay đọc lại ta thấy vẫn còn nguyên giá trị.

Cùng thời điểm với *Việt Nam cổ văn học sử* ra đời, Vũ Ngọc Phan cũng lần lượt cho xuất bản toàn tập bộ *Nhà văn hiện đại* [4.1942], gồm năm quyển tại nhà xuất bản Tân Dân.

Toàn bộ công trình gồm hơn một ngàn bốn trăm trang in, viết về bảy mươi chín nhà văn có tác phẩm ra đời trong khoảng ba mươi năm kể từ 1940 trở về trước. Hai quyển đầu, giới thiệu các nhà văn lớp trước. Quyển I, viết về “Những người đi tiên phong” là những nhà văn hồi mới có chữ quốc ngữ như Trương Vĩnh Ký, nhà bác học với con đường riêng; kể đến Nguyễn Văn Vĩnh, Phan Kế Bính, Nguyễn Đỗ Mục thuộc nhóm Đông Dương tạp chí; Phạm Quỳnh, Nguyễn

Bá Học, Phạm Duy Tôn, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Trọng Thuật, Đông Hồ, Trương Phó thuộc nhóm Nam Phong tạp chí. Quyển II, viết về “Các nhà văn độc lập” cũng thuộc lớp đầu, nhưng không ở trong hai nhóm Đông Dương và Nam Phong. Vũ Ngọc Phan chia các cây bút này gồm ba loại: các nhà biên khảo gồm có: Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ, Lê Du, Phan Khôi, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Quang Oánh, Nguyễn Văn Tố, Đào Duy Anh; các tiểu thuyết gia như: Hoàng Ngọc Phách, Hồ Biểu Chánh; các thi gia bao gồm: Nguyễn Khắc Hiếu, Đoàn Như Khuê, Dương Bá Trạc, Trần Tuấn Khải. Ba quyển cuối, nghiên cứu “Những nhà văn lớp sau”. Trong quyển III, tác giả đề cập đến những nhà văn viết bút ký như: Nguyễn Tuân, Phùng Tất Đắc, viết truyện ký và lịch sử ký sự gồm có: Phan Trần Chúc, Đào Trinh Nhất, Trần Thanh Mại, Nguyễn Triệu Luật, Ngô Văn Triện, các nhà viết phóng sự gồm: Vũ Đình Chí (tức Tam Lang), Vũ Trọng Phụng, Trọng Lang, Ngô Tất Tố, các nhà viết phê bình và biên khảo như: Thiều Sơn, Trương Chính, Hoài Thanh, các nhà viết kịch gồm: Vũ Đình Long, Vi Huyền Đắc, Đoàn Phú Tứ, các nhà thơ: Nguyễn Giang, Quách Tấn, Lưu Trọng Lư, Vũ Hoàng Chương, Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Huy Cận, Tú Mỡ, Bùi Huy Cường. Quyển IV (tập thượng và tập hạ), giới thiệu các tiểu thuyết gia “tiêu biểu cho phong trào tiểu thuyết đang biến hóa và đang lan rộng ở nước ta”, Vũ Ngọc Phan chia làm mười nhóm, theo các thể loại như sau: tiểu thuyết phong tục: Khái Hưng, Trần Tiêu, Mạnh Phú Tư, Bùi Hiên, Thiết Can, tiểu thuyết luận đề: Nhất Linh, Hoàng Đạo, tiểu thuyết luân lý: Lê Văn Trương, tiểu thuyết truyền kỳ: Lan Khai, Đái Đức Tuấn, tiểu thuyết phóng sự: Chu Thiên, tiểu thuyết hoạt kê: Đồ Phồn (tức Bùi Huy Phồn), tiểu thuyết tả chân: Nguyễn Công Hoan, Vũ Bằng, Nguyễn Đình Lạp, Tô Hoài, tiểu thuyết xã hội: Trương Tửu, Nguyễn Hồng, tiểu thuyết tình cảm: Thạch Lam, Đỗ Đức Thu, Nhượng Tống, Thanh Tịnh, Thụy An, Nguyễn Xuân Huy, Ngọc Giao, Nguyễn Vỹ, tiểu thuyết trinh thám: Phạm Cao Cung.

Nhà văn hiện đại ra đời đã được dư luận đánh giá rất cao, chẳng hạn: *Dân báo*, số ra ngày 5 - 10 - 1942 nhận xét: *Nhà văn hiện đại* là một công trình khảo cứu sự nghiệp văn chương của các nhà văn hiện thời rất công phu, “lời văn sáng suốt mà ý kiến phần nhiều lại rất xác đáng, thật bổ ích cho những ai muốn nghiên cứu về văn chương nước nhà hiện nay”, hoặc *Tin mới*, số ra ngày 9 - 10 - 1942 cũng cho rằng: “*Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan là một cuốn sách phê bình có phương pháp, có hành văn, lại sáng suốt, giản dị. Cứ xem đó người ta cũng

hiểu được cái lịch trình tiến hoá của nền văn học xứ này trong mấy chục năm gần đây”.

Tìm hiểu *Nhà văn hiện đại*, chúng tôi nhận thấy rằng đây thực sự là một công trình khoa học có giá trị không chỉ về chất lượng sản phẩm đạt được mà còn là kết quả của một quá trình làm việc công phu, nghiêm túc của một nhà khoa học tâm huyết. Viết *Nhà văn hiện đại*, Vũ Ngọc Phan đã có chủ trương về phương pháp và mục đích của công trình một cách rõ ràng. Ngay từ những trang đầu tiên, ông xác định mục đích công trình của mình là: Nhận cho rõ trào lưu, tình hình xã hội và những xu hướng về tinh thần, về vật chất, về chính trị, về tôn giáo, mà tác phẩm chỉ là những tấm gương phản chiếu, xét sự tiến hoá về đường nghệ thuật và tư tưởng của các nhà văn hiện đại qua những tác phẩm của họ, để xem trong số họ, những người nào là những người giữ chức vụ hướng đạo hay quan sát và những người nào chỉ là người theo trào lưu, so sánh trình độ văn học của ta với trình độ văn học những nước mà chúng ta đã hiểu biết về văn hoá và so sánh những nhà văn hiện đại của ta với những nhà văn thuở xưa của ta để ước định con đường tiến bộ tạm thời và tương lai, cắt nghĩa sự thành công của mỗi nhà văn đối với từng loại độc giả [4, tr.30]. Về phương pháp, Vũ Ngọc Phan nêu rõ phương pháp của mình, cũng như những cơ sở mà ông lấy làm điểm tựa. Ông tán thành lý thuyết phê bình của Brunetiere nhưng không đồng ý tính “độc đoán, thiên vị” của tác giả này trong việc ứng dụng thực tiễn nghiên cứu văn học. Vì thế, Vũ Ngọc Phan chủ trương dùng “phương pháp tổng hợp” để ứng dụng phù hợp với “hoàn cảnh văn học” và “trình độ tri thức của dân tộc”. Ông tuyên bố: “Tôi đã theo phương pháp khoa học và căn cứ vào những bằng chứng xác thực để phê bình, sự khen chê không bao giờ vu vơ cả!” [4, tr.1176].

Thông qua thành tựu của các nhà văn, Vũ Ngọc Phan đã phác thảo quá trình khá đầy đủ của nền văn học quốc ngữ từ thời kỳ phôi thai với Trương Vĩnh Ký, qua các nhà văn hồi đầu thế kỷ trong nhóm Đông Dương tạp chí, Nam Phong tạp chí cho đến giai đoạn trưởng thành với những Nguyễn Tuân, Tô Hoài... Một nền văn học trong toàn bộ của nó, từ biên khảo, đến tiểu thuyết, phóng sự, kịch thơ, sách dịch... Thái độ của người viết tỏ ra công bằng, vô tư. Trong quá trình phân tích tác giả, tác phẩm, Vũ Ngọc Phan tỏ ra sắc sảo, tinh tế, biết khen chê đúng mức, dừng lại ở chỗ đáng dừng, chứng tỏ người viết có một sự hiểu biết rộng và chắc, một thái độ nghiên cứu nghiêm túc và thận trọng.

Nhìn chung, với những tiêu chí và mục đích đề ra cụ thể, rõ ràng, cộng với việc vận dụng một cách có chọn lọc phương pháp nghiên cứu khoa học, *Nhà văn hiện đại* là một bộ lịch sử văn học viết về văn học hiện đại đồ sộ nhất từ trước đến giờ - viết về bảy mươi chín nhà văn, với hơn một nghìn bốn trăm trang sách - đủ để ta khẳng định giá trị lớn lao của nó. *Nhà văn hiện đại* không chỉ là một tác phẩm tiêu biểu thuộc lĩnh vực nghiên cứu lịch sử văn học theo phương pháp hiện đại mà còn là thành tựu đáng ghi nhận để góp phần khẳng định sự có mặt và từng bước trưởng thành của ngành nghiên cứu văn học nước nhà trong quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam ở giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX.

Nếu như *Việt Nam cổ văn học sử* của Nguyễn Đông Chi là cuốn lịch sử văn học đầu tiên nghiên cứu liên tục lịch sử văn học Việt Nam từ thời cổ đại đến triều nhà Hồ, *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan một trong những cuốn lịch sử văn học đầu tiên nghiên cứu văn học hiện đại trong khoảng ba mươi năm (từ năm 1940 trở về trước) ở giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX thì *Việt Nam văn học sử yếu* của Dương Quảng Hàm cũng là cuốn lịch sử văn học đầu tiên bao quát toàn bộ lịch sử văn học Việt Nam từ văn học dân gian đến hiện đại và còn mở rộng xem xét ảnh hưởng của sự giao lưu văn hoá Trung Hoa, Pháp, sự du nhập truyền bá Phật giáo, Đạo giáo đối với quá trình phát triển của văn học Việt Nam.

Việt Nam văn học sử yếu, vốn là một cuốn sách giáo khoa văn học sử được soạn theo chương trình trung học Pháp Việt (tiền thân của nó là sách *Quốc văn trích diễm*) nhưng nó đã vượt ra ngoài tính chất một cuốn sách giáo khoa bình thường trước đó và thực sự xứng đáng là một bộ sách lịch sử văn học. Toàn bộ công trình gồm 3 phần được chia theo chương trình của ba năm học ở bậc trung học: Phần thứ nhất, dành cho năm thứ nhất, nghiên cứu những vấn đề văn học tổng quát, ngoài chương dẫn đầu giới thiệu qua về kết cấu của chương trình học, có mười chín chương quy vào sáu thiên, Phần thứ hai, dành cho năm thứ hai, khảo xét các thời đại văn học Việt Nam từ đầu đến cuối thế kỷ XIX, trước khi có phong trào quốc văn mới, ngoài chương dẫn đầu còn có hai mươi chương quy vào năm thiên, Phần thứ ba, dành cho năm thứ ba, nghiên cứu văn học Việt Nam về thế kỷ XX, từ khi chịu ảnh hưởng của phương Tây, nội dung ngoài “Mấy lời dẫn đầu” có bảy chương. Ngoài nội dung của ba năm học vừa kể, phần sau cùng của cuốn sách còn có mục tổng kết và biểu liệt kê tác giả, tác phẩm. Tất cả những nội dung trên được Dương Quảng Hàm trình bày theo một bố cục rõ ràng, chặt

chẽ. Nhà nghiên cứu luôn tuân thủ một cách nghiêm ngặt những qui định trong phương pháp nghiên cứu mà mình đặt ra. Đó là “lấy sự thực làm trọng”, “lấy sự minh bạch làm trọng”, hết sức tránh những kết luận áp đặt, hồ đồ, phiến diện. Ông chủ trương “Không khi nào dám lấy ý riêng mà giải quyết một nghi vấn theo cách võ đoán, cũng không hấp tấp theo liều những ý kiến thông thường nhiều khi sai lầm hoặc thiên lệch”. Vì vậy, những dữ kiện được Dương Quảng Hàm đề cập trong *Việt Nam văn học sử yếu* đều có tính chính xác khá cao. Các nhận định và cắt nghĩa của Dương Quảng Hàm thường ngắn gọn, đầy đủ, đúng mực. Việc chọn lựa và giới thiệu tác giả, tác phẩm, trào lưu văn học tương đối tiêu biểu, thể hiện sự phán đoán tinh tế và nhạy cảm về văn học ở Dương Quảng Hàm.

Tác giả *Việt Nam văn học sử yếu* chia văn học Việt Nam thành hai bộ phận lớn là văn chương bình dân và văn học viết. Đây là cách phân chia văn học lần đầu tiên đã được tác giả *Việt Nam văn học sử yếu* áp dụng và đã được các nhà nghiên cứu sau này đồng tình. Về quan điểm viết văn học sử, thời điểm *Việt Nam văn học sử yếu* ra đời, dù quy luật văn - sử - triết bất phân đã nhường chỗ cho quy luật phân lập văn - sử, văn - triết nhưng cơ bản Dương Quảng Hàm vẫn viết theo quan điểm cũ. Tuy vậy, nếu xét toàn bộ tác phẩm, ta thấy không phải ông luôn viết theo quan điểm bất phân, mà chỉ có thời kỳ cận đại trở về trước ông mới nhìn theo quan điểm ấy.

Và cho dù xuất phát từ quan niệm văn - sử - triết bất phân nhưng ở nhiều chỗ Dương Quảng Hàm đã có cách tiếp cận văn học khá hiện đại khi không tự bó mình trong giới hạn khép kín của văn chương mà đã mở rộng phạm vi sang các lĩnh vực khác như lịch sử, văn hoá, tư tưởng, tôn giáo, chế độ xã hội, ảnh hưởng văn hoá, văn học Trung Quốc, ảnh hưởng văn hoá, văn học phương Tây... để nhìn nhận, đánh giá văn học rõ hơn. Đây là một lối nghiên cứu mới, mà trong những thập kỉ gần đây, chúng ta mới nói nhiều đến phương pháp này - phương pháp nghiên cứu liên ngành trong khoa học. Điều này cho thấy sự nhạy bén trong cách nhìn nhận vấn đề của học giả Dương Quảng Hàm trong công trình giáo khoa văn học sử đầu tiên này.

Vấn đề thi pháp văn học là vấn đề mà văn học ngày nay mới đặc biệt quan tâm cũng đã được Dương Quảng Hàm rất coi trọng và dành nhiều trang để khảo sát về thi pháp Tàu, thi pháp những thể loại phổ biến trong nền văn học cổ của ta như: phú, văn tế, truyện, ngâm, hát nói, ca Huế, hát bội... Nhận xét về vấn đề

này, ông chỉ rõ: tuy chịu ảnh hưởng nghiêm ngặt của thi pháp văn chương cổ điển Trung Hoa, của các văn liệu rút ra từ tinh hoa của văn chương ấy, song các nhà văn Việt Nam, với tài năng và bản lĩnh nghệ thuật của mình, vẫn có khả năng dân tộc hóa các thể loại vốn có nguồn gốc từ nước ngoài vào (như thơ Đường luật chữ Hán và chữ Nôm). Mặt khác các nhà văn ta còn sáng tạo ra những thể văn riêng của ta như lục bát, song thất lục bát, truyện thơ Nôm, Thơ Mới, tiểu thuyết viết bằng chữ quốc ngữ.

Riêng phần nghiên cứu văn học hiện đại trong *Việt Nam văn học sử yếu*, Dương Quảng Hàm đã cho thấy bản lĩnh vững vàng và thể hiện sự nhạy bén của tác giả trong việc tiếp cận văn học từ cách chọn vấn đề, chọn tác gia, tác phẩm, đánh giá, sắp xếp, phân loại đến cách trình bày... Chẳng hạn: trong việc chọn tác gia và tác phẩm, Dương Quảng Hàm đã chứng tỏ cặp mắt rất tinh đời khi ông chọn Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu là những người đại diện cho các nhà Thơ Mới; về văn xuôi, bên cạnh sự chú ý đặc biệt đến Khái Hưng, Nhất Linh là những Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Hồng... Có lẽ do số lượng trang sách có hạn, nên Dương Quảng Hàm không đề cập đầy đủ tác giả này hay tác giả kia, nhưng rõ ràng không thiếu những người tiêu biểu. Dương Quảng Hàm cũng đã tuyển chọn, giới thiệu những tác phẩm không chỉ tiêu biểu lúc bấy giờ, mà cho đến hôm nay vẫn được đánh giá cao như: *Máy văn thơ* (Thế Lữ), *Thơ Thơ* (Xuân Diệu), *Kép Tư Bền* (Nguyễn Công Hoan), *Giông tố* (Vũ Trọng Phụng), *Lâm than* (Lan Khai), *Bỉ vờ* (Nguyễn Hồng), *Đoạn tuyệt*, *Lạnh lùng* (Nhất Linh), *Hồn bướm mơ tiên*, *Nửa chừng xuân* (Khái Hưng).

Không chỉ có nhiều quan điểm rất khoa học trong phương pháp nghiên cứu văn học như đã trình bày, tác giả *Việt Nam văn học sử yếu* còn bộc lộ những tư tưởng tiến bộ khi nhận xét về sự xuất hiện chữ quốc ngữ, chính sách ngoại giao, học quy giáo dục, chẳng hạn, khi bàn chính sách ngoại giao của triều Nguyễn, Dương Quảng Hàm mạnh dạn chỉ ra những khiếm khuyết, ông viết: “Về mặt ngoại giao thì theo chính sách bế môn tỏa cảng, nghĩa là đóng cửa không cho người ngoại quốc vào và không giao thiệp với nước ngoài. Tại sao các nhà cầm quyền nước ta lại theo chính sách ấy? Xét ra thì có hai cơ chính:

- Lòng tự cao: tự coi mình là văn minh, và trừ nước Tàu ra, coi người nước ngoài là man di mọi rợ cả. Vì lòng tự cao ấy, nên không muốn giao thiệp với người nước ngoài.

- Lòng nghi kỵ: đã không để người nước ngoài đến ở đất nước mình, lại không hề cho người mình đi du học hoặc buôn bán ở nước ngoài, lại thấy họ dùng những máy móc kỳ dị, nên sinh lòng nghi kỵ, không dám cho họ vào nước mình, sợ họ có manh tâm muốn mưu sự xâm chiếm chẳng” [2, tr.330-331]. Lưu ý những chính sách ngoại giao sai lầm của triều Nguyễn như vừa nêu, Dương Quảng Hàm đã chỉ ra nguyên nhân, ông viết: “sở dĩ... có những ý tưởng sai lầm về việc ngoại giao, chính vì kiến văn hẹp hòi, tri thức khiếm khuyết, chỉ biết đọc sách Tàu, hiểu việc nước Tàu, còn ngoài ra, tình thế thiên hạ, lịch sử, địa dư, văn minh các nước khác trên hoàn cầu đều không rõ cả, chỉ chuyên học về văn chương, luân lý, mài miệt về lối văn cử nghiệp mà không hề nghiên cứu đến các khoa học thực dụng, nên không biết rằng cơ khí, binh bị, kỹ nghệ, thương mại có mật thiết quan hệ đến sự giàu mạnh sinh tồn của một dân tộc, một nước trong thế kỷ thứ mười chín. Mà cái cố khiến cho kiến văn hẹp hòi, học thức khiếm khuyết thế, là chính vì phép học, phép thi ở nước ta không hề thay đổi”. Và ông kết luận: “Vì việc học, việc thi ở nước ta không thay đổi cho hợp thời, nên dân trí không mở mang mà các bậc sĩ phu trong nước không hiểu thời thế” [2, tr.331-332]. Rõ ràng những ý kiến về nguyên nhân sai lầm trong phương pháp ngoại giao của triều Nguyễn, những nhận thức về mặt học quy giáo dục ở nước ta trước năm 1945 mà Dương Quảng Hàm nêu ra không chỉ đúng trong hoàn cảnh lúc này mà thực tiễn bao năm qua đã chứng minh là đúng. Hay ngay cả hôm nay khi vấn đề cải cách giáo dục luôn được quan tâm hàng đầu thì những ý kiến mà tác giả *Việt Nam văn học sử yếu* đề xuất đáng để chúng ta suy ngẫm.

Có thể nói, từ *Việt Nam văn học, Thi văn bình chú* của Ngô Tất Tố, *Việt Nam cổ văn học sử* của Nguyễn Đồng Chi, *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan đến *Việt Nam văn học sử yếu* của Dương Quảng Hàm, hoạt động nghiên cứu lịch sử văn học Việt Nam đã có những bước tiến triển đáng ghi nhận. Từ chỗ chỉ sưu tầm, tập hợp tư liệu với những chú giải ngắn gọn, những khảo sát bộ phận đã tiến dần đến cái nhìn hệ thống, toàn bộ nền văn học Việt Nam theo một quan điểm rõ ràng, phương pháp khoa học trong cách viết, cách phân loại văn học của các tác giả vừa đề cập đã góp phần vào việc khẳng định sự có mặt cũng như từng bước trưởng thành của bộ môn nghiên cứu lịch sử văn học trong quá trình hiện đại hoá hoạt động nghiên cứu văn học Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX. Những tác phẩm nghiên cứu văn học sử của Ngô Tất Tố, Nguyễn Đồng Chi, Vũ Ngọc Phan, Dương Quảng Hàm trong giai đoạn này cho ta thấy rõ tiến trình từng bước hiện đại hóa của hoạt động nghiên cứu văn học sử nửa đầu thế kỷ XX mà tập trung cao độ vào những năm đầu của thập kỷ 40.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Đồng Chi (1942), *Việt Nam cổ văn học sử*, Nhà xuất bản Trẻ (tái bản năm 1993), thành phố Hồ Chí Minh.
- [2]. Dương Quảng Hàm (1943), *Việt Nam Văn học sử yếu*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh (tái bản 1993), thành Phố Hồ Chí Minh.
- [3]. Thanh Lãng (1973), *Phê bình văn học Việt Nam thế hệ 1932* (tập 2), Phong trào văn hóa xuất bản, Sài Gòn.
- [4]. Vũ Ngọc Phan (1942), *Nhà văn hiện đại* (2 tập), Nxb Khoa học xã hội (tái bản năm 1989), Hà Nội.
- [5]. Ngô Tất Tố (1942), *Văn học đời Lý*, Nxb Nhà sách Khai Trí.
- [6]. Ngô Tất Tố (1942), *Văn học đời Trần*, Nxb Nhà sách Khai Trí.
- [7]. Ngô Tất Tố (1942), *Thi văn bình chú*, Nxb Nhà sách Khai Trí